

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/12/2020

Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan, bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 511/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Anh Q**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 152 N, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 43/19 H, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là anh Trần Anh Q trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 17/6/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng không sinh sống cùng gia đình bên nào mà thuê nhà ở riêng, cả hai đều làm nghề tự do. Cuộc sống chung hạnh phúc được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu

thuần do chị T không chung thủy. Anh góp ý nhưng chị T không sửa đổi mà còn bỏ nhà đi qua đêm nhiều lần nên vợ chồng thường xảy ra to tiếng cãi chửi nhau. Năm 2018, chị T tự bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh đã tìm gọi nhưng chị T không về đoàn tụ với anh nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên anh khởi kiện xin ly hôn chị T.

Anh với chị T có ba con chung là Trần Thị Ngọc M- sinh ngày 30/12/2002, Trần Hoàng Anh P- sinh ngày 09/01/2009 và Trần Hoàng Anh N- sinh ngày 22/6/2014. Anh đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung cho tới khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị T phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng anh.

Anh không đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung và nợ chung.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bị đơn là chị Nguyễn Thị T nhưng chị T đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi quan điểm của chị về các nội dung liên quan đến vụ án.

Qua xác minh, đại diện hai bên gia đình và khu dân cư phản ánh: Cuộc sống chung của anh Q và chị T không hạnh phúc do cả hai không chung thủy với nhau. Vợ chồng sống ly thân nhiều năm nhưng không có biện pháp khắc phục.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trần Anh Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân theo và chấp hành đúng; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2013 của UBTV Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho anh Q được ly hôn chị T. Giao các cháu M, P, N cho anh Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi các cháu thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Buộc anh Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Trần Anh Q và chị Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Trình bày của anh Q và phản ánh của đại diện hai bên gia đình, đại diện khu dân cư đều xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do hai bên không chung thủy với nhau; vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nhưng không có biện pháp đoàn tụ. Việc chị T vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi quan điểm của chị về các nội dung của vụ án thể hiện chị không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, không có thiện chí đoàn tụ với anh Q. Nhận thấy hôn nhân giữa anh Q và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho anh Q được ly hôn chị T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh Q và chị T có ba con chung là Trần Thị Ngọc M- sinh ngày 30/12/2002, Trần Hoàng Anh P- sinh ngày 09/01/2009 và Trần Hoàng Anh N- sinh ngày 22/6/2014. Chị T không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung. Anh Q đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung phù hợp với nguyện vọng của cháu M, cháu P đều xin được ở cùng với bố. Thực tế trong thời gian vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay thì anh Q luôn là người trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con và các con vẫn phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, HĐXX cần giao cả ba con chung cho anh Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên. Anh Q không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Trần Anh Q và chị Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao ba con chung là Trần Thị Ngọc M- sinh ngày 30/12/2002, Trần Hoàng Anh P- sinh ngày 09/01/2009 và Trần Hoàng Anh N- sinh ngày 22/6/2014 cho anh Trần Anh Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con

chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Anh Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2018/0002555 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Anh Q đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thúy